

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: BS0.105.3

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :3

Mã DST: BS0.105.3_02/12/2022_3_1BS0.105.3-2-1-22(N01) Thi tại : 401-A2

Ngày thi: 02/12/2022

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
X 1	1	211213818	Bùi Đức Tài Anh	K62.CNTT4	3,0	02		An	
2	2	211204225	Phạm Quốc Đạt	K62.CNTT1	00,0				bớt
X 3	3	211244250	Hà Huy Dũng	K62.CNTT5	2,5	01		Dũng	Nợ HP
X 4	4	211210687	Vũ Quang Dũng	K62.CNTT1	5,0	02		Dũng	
5	5	211242922	Đoàn Xuân Duy	K62.CNTT5					Nợ HP
X 6	6	211212005	Nguyễn Sĩ Hà	K62.CNTT3	8,3	02		Hà	
X 7	7	211240177	Lê Minh Hoàn	K62.CNTT6	6,3	02		Hoàn	
8	8	211201562	A Lữ	K62.CNTT4					Nợ HP
9	9	211211134	Kiều Phan Lưu	K62.CNTT4					Nợ HP
10	10	211242782 (BL)	Trần Sơn Nam	K62.CNTT1	00,0				bớt
X 11	11	211211164	Lê Hoàng Phúc	K62.CNTT1	2,5	01		Phúc	
X 12	12	211204005	Hoàng Văn Phương	K62.CNTT6	5,0	02		Phương	
X 13	13	211210020	Lưu Hồng Quân	K62.CNTT1	3,0	01		Quân	
X 14	14	211203116	Trần Văn Thắng	K62.CNTT1	2,5	02		Thắng	
X 15	15	211203059	Trần Quốc Tuấn	K62.CNTT3	2,5	01		Tuấn	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Nguyễn Huy Hoàng, Lang

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO05.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO05.2_28/11/2022_2_1 DSO05.2-2-1-22(N01) Thi tại : 304-A2

Ngày thi: 28/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	192232403 ✓	Nguyễn Duy Ái	K60.KTVTOTO1	4,3	45		Ái	
2	2	172204095 ✓	Nguyễn Thị Hồng Anh	K59.KTVTOTO2	3,0	33		Anh	
3	3	192632182 ✓	Trương Thị Hải Anh	K60.KTTH(ANH)	3,0	44		Sinh x	
4	4	191801195 ✓	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	K60.KTBCVT1	3,0	44		Chi	
5	5	V191601581 ✓	Lê Trung Đạt	K60.KTXD CTGT1	6,3	33		Dat	
6	6	192232654	Nguyễn Tiến Đạt	K60.KTVTOTO3					
7	7	191914129 ✓	Hàn Minh Đức	K60.KTXD CTGT2	5,5	45		Đức	Nợ HP
8	8	191830330	Tạ Nhật Đức	K60.KTBCVT2					
9	9	182620177	Mạc Tiến Dũng	K59.KTTH(ANH)					Nợ HP
10	10	171911566 ✓	Đỗ Tùng Dương	K58.KTXD CTGT	7,0	45		M2	
11	11	192231206	Nguyễn Thùy Dương	K60.KTVTDL1					Nợ HP
12	12	192610250 ✓	Nguyễn Thùy Dương	K60.KTXDCTGT(QT)	3,8	44		TP	
13	13	191931426 ✓	Nguyễn Hồng Hạnh	K60.KTXD CTGT3	4,5	33		Hanh	
14	14	182033826 ✓	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	K59.KTTH2	4,8	44		Hanh	
15	15	192230467 ✓	Đỗ Việt Hùng	K60.KTVTOTO1	5,3	44		Hùng	
16	16	192603679 ✓	Phạm Tiến Hùng	K60.KTXDCTGT(QT)	5,5	33		HT	
17	17	182110320 ✓	Ngô Gia Huy	K59.VTĐPT	5,0	45		Huy	
18	18	202003221 ✓	Nguyễn Thị Huyền	K61.KTTH1	3,0	44		Huyền	
19	19	191840556 ✓	Nguyễn Huy Khang	K60.KTBCVT1	5,0	45		Khang	
20	20	182201081	Lê Duy Khánh	K60.KTVTDL1					Nợ HP
21	21	191713972 ✓	Lương Thế Khoa	K60.QTLOGISTICS 3	2,8	33		Khoa	Nợ HP
22	22	201802031	Lê Tuấn Kiệt	K61.KTBCVT1					Nợ HP
23	23	181704091 ✓	Chu Mạnh Lân	K59.QTLOGISTICS2	00,0	33		Lân	Nợ HP
24	24	201732193 ✓	Nguyễn Hồng Loan	K61.QTKDGTVT1	7,5	44		M	
25	25	192213257	Trần Hải Long	K60.KTVTOTO3					Nợ HP
26	26	182221296	Hoàng Khánh Ly	K59.KTXDCTGT(QT)					
27	27	182612468	Nguyễn Phương Nam	K59.KTXDCTGT(QT)					
28	28	191910765 ✓	Lê Quân Nhật	K60.KTXD CTGT2	6,5	33		Nhật	
29	29	192204717 ✓	Nguyễn Thái Phong	K60.KTVTOTO1	4,3	44		Phong	
30	30	191702327 ✓	Nguyễn Mậu Quân	K60.QTLOGISTICS 2	3,5	33		Quân	
31	31	191732780 ✓	Nguyễn Văn Thắng	K60.QTLOGISTICS 3	1,5	45		Thắng	
32	32	192632369 ✓	Nguyễn Thu Trà	K60.KTTH(ANH)2	3,3	45		Trà	
33	33	191934360 ✓	Lê Thị Trang	K60.KTXD CTGT3	4,3	44		Trang	
34	34	201802066 ✓	Nguyễn Thị Huyền Trang	K61.KTBCVT2	2,5	45		Trang	
35	35	202202632 ✓	Hoàng Văn Triều	K61.KTVTOTO2	6,5	44		Triều	
36	36	181820045 ✓	Đỗ Thanh Tùng	K59.KTBCVT	4,3	33		Tùng	
37	37	192634678 ✓	Đặng Thị Tươi	K60.KTTH(ANH)	6,0	44		Tươi	

Mã DST:DSO05.2_28/11/2022_2_1DSO05.2-2-1-22(N01) Thi tại : 304-A2

Ngày thi:28/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	38	201732287 ✓	Bùi Bích Vân	K61.QTKDGTVT1	5,8	45		Vân	
39	39	192231961 ✓	Ngô Hải Việt	K60.KTVTDL1	0,5	33		Việt	
40	40	182121279	Trần Đình Vinh	K59.LOGISTICS1					
41	41	191734061 ✓	Vũ Thị Hải Yến	K60.QTKDGTVT	3,0	45		Yến	
42	42	192232967	Trần Tuấn Anh	K60.KTVTOTO1					

Tổng số bài thi : 31

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Nguyễn Văn Hoàng T. Long

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần:DSO04.2

Tên học phần:Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST:DSO04.2_30/11/2022_2_1DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi:30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	201200003	Nguyễn Hữu An ✓	K61.CNTT1	10,0	44		An	
2	2	192500033	Lại Duy Tân Anh ✓	K60.KTHTĐT		45		An	5,0 Nợ HP
3	3	201105561	Nguyễn Thế Nam Anh ✓	K61.TDHTKCD	5,5	46		An	
4	4	181103963	Phạm Quang Anh ✓	K59.CĐB4	5,0	46		An	
5	5	202710665	Trần Duy Anh	K61.CDB4	\				
6	6	202536337	Nguyễn Hoàng Chiến ✓	K61.XDDDCN3	5,0	43		Chiến	
7	7	201200046	Vũ Khánh Chung ✓	K61.CNTT4	9,3	44		Chung	
8	8	192503006	Lưu Văn Công ✓	K60.XDDDCN1	4,8	46		Công	
9	9	202730676	Bùi Văn Cường	K61.QLXD2	\				Nợ HP
10	10	192601741	Nguyễn Tiến Đạt ✓	K60.CDP	6,0	45		Đạt	
11	11	201200083	Nguyễn Văn Định	K61.CNTT1	\				Nợ HP
12	12	991790002	Hồ A Dờ ✓	K58.CNTT2	1,0	43		Đ	
13	13	202730692	Nguyễn Minh Đức ✓	K61.QLXD1	4,3	43		Đức	
14	14	201207282	Vũ Phạm Anh Đức ✓	K61.CNTT2	8,3	46		Đức	
15	15	201200052	Hoàng Anh Dũng ✓	K61.CNTT1	8,8	45		Dũng	
16	16	151102429	Nguyễn Trung Dũng ✓	K56.KTGTĐBO	4,8	43		Dũng	
17	17	201103390	Lê Hải Dương ✓	K61.CDB4	9,0	46		Dương	(9,0) (H)
18	18	151100886	Phan Trọng Dương	K56.CH2	\				
19	19	191202469	Nguyễn Văn Hải ✓	K60.CNTT1	7,5	45		Hải	
20	20	202730700	Đỗ Thị Hằng ✓	K61.QLXD1	3,5	44		Hằng	
21	21	191200389	Nguyễn Thế Hiền ✓	K60.CNTT5	3,0	43		Hiền	
22	22	191104466	Lê Công Hiệu ✓	K60.CDB4		44		Hiệu	3,5 Nợ HP
23	23	201200134	Đào Huy Hoàng ✓	K61.CNTT1	4,0	43		Hoàng	
24	24	201200136	Nguyễn Duy Hoàng ✓	K61.CNTT1	6,0	46		Hoàng	
25	25	201200150	Nguyễn Duy Hùng ✓	K61.CNTT4	7,5	44		Hùng	
26	26	191201381	Hà Ngọc Hưng ✓	K60.CNTT1	9,3	43		Hưng	
27	27	191105079	Ngo Quang Huy ✓	K60.CTGTCC	8,5	46		Huy	
28	28	201210159	Nguyễn Đình An Huy ✓	K61.CNTT2		45		Huy	7,0 Nợ HP
29	29	201200161	Nguyễn Quang Huy ✓	K61.CNTT1	8,5	46		Huy	
30	30	191112856	Phạm Minh Khôi ✓	K60.CDB4	3,5	44		Khôi	
31	31	182811126	Lê Quang Trung Kiên ✓	K59.CANGBIEN	5,5	46		Trung	
32	32	181103912	Nguyễn Trung Kiên ✓	K59.CĐB1	5,0	45		Kiên	
33	33	201200203	Đinh Phi Long ✓	K61.CNTT1	7,5	45		Long	
34	34	191132863	Lê Văn Long ✓	K60.CDB4	1,3	44		Long	
35	35	191133726	Trần Văn Long ✓	K60.CDB1	3,0	45		Long	(3,0)
36	36	191210709	Vũ Hoàng Minh ✓	K60.CNTT6	10,0	45		Minh	
37	37	191204516	Hồ Việt Mỹ	K60.CNTT1	\				
38	38	191103309	Ngô Trinh Nguyễn ✓	K60.CDB2	4,0	44		Nguyễn	
39	39	182522343	Hoàng Tiên Niên ✓	K59.VLCNXD	3,0	43		Niên	
40	40	201200265	Trần Quang Ninh ✓	K61.CNTT2	6,3	46		Ninh	
41	41	201200266	Trần Văn Ninh ✓	K61.CNTT2	7,3	44		Ninh	
42	42	201200293	Nguyễn Đức Quân ✓	K61.CNTT3	10,0	45		Quân	

Mã DST: DSO04.2_30/11/2022_2_1DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 30/11/2022

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	43	201210294	Nguyễn Hoàng Quân ✓	K61.CNTT2	9,8	46			
44	44	181102191	Bùi Văn Quang ✓	K59.CĐB5	7,5	46		Quang	
45	45	181123067	Hoàng Văn Quang ✓	K59.CĐB5	2,0	43		Quang	
46	46	201200311	Trần Văn Quỳnh ✓	K61.CNTT4	4,0	45		Quỳnh	
47	47	882060006	Sengdeth SOMBATHPHOM ✓	K61.DSDT	7,0	47			
48	48	201200324	Ngô Đức Tài ✓	K61.CNTT2	4,0	44		Tài	
49	49	201200342	Phạm Nguyễn Phúc Thắng ✓	K61.CNTT2	8,8	43		Thắng	
50	50	191105084	Lương Văn Thành ✓	K60.CTGTCC		44		Thành	7,5 Nợ HP
54	54	181101098	Vũ Trung Thao	K59.CĐB4					Nợ HP
52	52	192532930	Hoàng Đức Trường ✓	K60.XDDDCN1	7,0	45			
53	53	201133619	Vũ Văn Tú ✓	K61.DBO		43		Tú	6,0 Nợ HP
54	54	191135105	Nguyễn Quốc Tuấn	K60.TĐHTKCD					
55	55	191105086	Bùi Thanh Tùng	K60.CTGTCC					Nợ HP
56	56	191134380	Gao Văn Tùng ✓	K60.CĐB1		44		Tùng	3,5 Nợ HP
57	57	201133621	Nguyễn Hoàng Nhật Tùng ✓	K61.DBO	3,8	46		Ngà	
58	58	202730801	Hồ Chí Vi ✓	K61.QLXD1	2,5	46		Vi	
59	59	182601056	Đỗ Tuấn Việt ✓	K59.VLCN(V-P)	1,0	45		Việt	
60	60	191214394	Lê Hồng Việt ✓	K60.CNTT6	9,0	43		Việt	
61	61	191101156	Lương Anh Vũ ✓	K60.ĐBO	3,3	43		Anh Vũ	
62	157	201200054	Lê Anh Dũng	K61.CNTT3					Nợ HP
63	158	191200537	Nguyễn Thế Hưng ✓	K60.CNTT1	8,5	45			
64	159	181102188	Trần Ngọc Long ✓	K59.CĐB1	4,0	44		Long	
65	160	181103303	Nguyễn Đình Mạnh ✓	K59.CĐOTO & SB	7,5	43		Mạnh	
66	161	191103299	Đinh Quang Nghĩa	K60.TĐHTKCD					

Tổng số bài thi : 56

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

 Bùi Hương

 Vũ Thị Hương

 PGS.TS. Trần Văn Long

 Nguyễn Thị Minh Hiền
Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO04.2_30/11/2022_2_1 DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	50	191105084	Lường Văn Thành	K60.CTGTCC	7,5				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 1 tháng 12 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Vũ Hương


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST: DSO04.2_30/11/2022_2_1 DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	28	201210159	Nguyễn Đình An Huy	K61.CNTT2	7,0				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

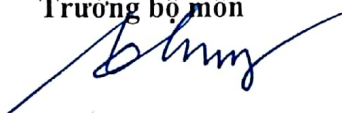
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Vũ Hương


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO04.2_30/11/2022_2_1 DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	2	192500033	Lại Duy Tân Anh	K60.KTHTĐT	5,0				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

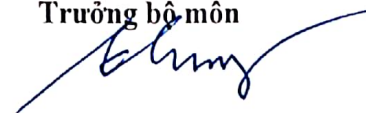
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


Vũ Hương

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO04.2_30/11/2022_2_1 DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	22	191104466	Lê Công Hiệu	K60.CDB1	3,5			Hiệu	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

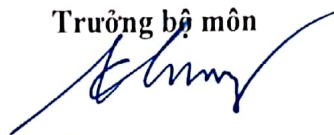
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


Vũ Hương

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST: DSO04.2_30/11/2022_2_1DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	56	191134380	Cao Văn Tùng	K60.CDB1	3,5			Tùng	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

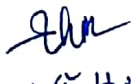
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

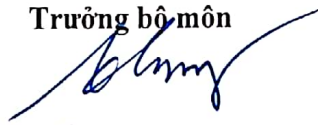
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Bùi Hương


Vũ Hương


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần:DSO04.2

Tên học phần:Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST:DSO04.2_30/11/2022_2_1DSO04.2-2-1-22(N02) Thi tại : 301-A7

Ngày thi:30/11/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	53	201133619	Vũ Văn Tú	K61.DBO	6,0			Tú	

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

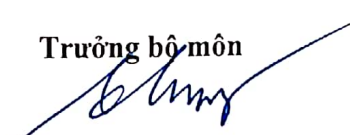
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


Vũ Hương

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST: DSO04.2_03/12/2022_2_2DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 03/12/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	62	191105057 ✓	Bùi Đức Anh	K60.CDOTOSB	6,3	39		Anh	
2	63	201200010 ✓	Khổng Văn-Việt Anh	K61.CNTT3		40		Anh	1,8 Nợ HP
3	64	192731497 ✓	Lê Đức Anh	K60.QLXD		41		Anh	1,0 Nợ HP
4	65	191132789 ✓	Lê Hoàng Tuấn Anh	K60.ĐBO	5,8	41		Anh	
5	66	191132633 ✓	Lê Thị Lan Anh	K60.CDB1	4,5	38		Anh	
6	67	201113349 ✓	Nguyễn Đức Anh	K61.CDB3	5,5	39		Anh	
7	68	192532407	Nguyễn Hoàng Anh	K60.XDDDCN1					Nợ HP
8	69	201207710 ✓	Nguyễn Quốc Anh	K61.CNTT4	4,5	37		Anh	
9	70	201146081 ✓	Nguyễn Việt Minh Anh	K61.CDB1	2,8	37		Anh	
10	71	201113357 ✓	Trần Việt Anh	K61.CDB1	2,8	31		Anh	
11	72	201105899 ✓	Lê Đức Ánh	K61.CDB2	1,0	40		Anh	
12	73	192730117 ✓	Nguyễn Tùng Bách	K60.QLXD	5,8	41		Bách	
13	74	191102983 ✓	Nguyễn Văn Biên	K60.DOTOSB	00,0	37		Biên	
14	75	201133714 ✓	Trần Văn Biên	K61.DKTCTGT	00,0	38		Biên	
15	76	201200045 ✓	Nguyễn Văn Chung	K61.CNTT3	5,0	39		Anh	
16	77	201200048 ✓	Lại Văn Cường	K61.CNTT1	3,0	40		Cường	
17	78	1401019 ✓	Mai Huy Cường	K55.CDB(ANH)	4,0	41		Cường	
18	79	201200068 ✓	Nguyễn Thành Đại	K61.CNTT4	7,8	37		Hai	
19	80	201200069 ✓	Nguyễn Trí Đại	K61.CNTT4		38		Hai	5,8 Nợ HP
20	81	202730686 ✓	Phạm Hải Đăng	K61.QLXD2					Nợ HP
21	82	191101542 ✓	Nguyễn Thành Đạt	K60.CDB1	3,8	37		Đạt	
22	83	191200281 ✓	Nguyễn Trọng Đạt	K60.CNTT5	5,5	38		Đạt	
23	84	202616897 ✓	Phạm Tuấn Đạt	K61.CDB(QT)	00,0	38		Đạt	
24	85	191103928 ✓	Trần Tiến Đạt	K60.CDB2	00,0	40		Đạt	
25	86	201200051 ✓	Đào Thị Diễm	K61.CNTT1	9,0	40		Diễm	
26	87	192514100 ✓	Phan Bá Diệu	K60.XDDDCN2	1,0	39		Diệu	
27	88	201200082 ✓	Vũ Thế Điều	K61.CNTT3	4,8	37		Điều	
28	89	202505654 ✓	Cán Việt Đức	K61.XDDDCN2	2,3	41		Đức	
29	90	201200087 ✓	Hoàng Minh Đức	K61.CNTT2	10,0	40		Đức	
30	91	201103698 ✓	Phạm Hữu Đức	K61.TDHTKCD	5,0	38		Đức	
31	92	201137205 ✓	Phạm Huỳnh Đức	K61.CDB1	1,5	39		Đức	
32	93	191140186 ✓	Nguyễn Thị Kim Dung	K60.CDB3		41		Dung	1,5 Nợ HP
33	94	201200056 ✓	Nguyễn Công Tuấn Dũng	K61.CNTT1	5,0	39		Dũng	
34	95	191213923 ✓	Nguyễn Hải Dũng	K60.CNTT3		37		Dũng	4,3 Nợ HP
35	96	160713649	Nguyễn Minh Dũng	K60.CNTT3	00,0				
36	97	201133383 ✓	Phạm Anh Dũng	K61.CDB1	3,0	37		Dũng	
37	98	181100979 ✓	Nguyễn Tuấn Dương	K59.CĐB3	2,3	41		Dương	
38	99	201200066 ✓	Nguyễn Tuấn Dương	K61.CNTT2	6,8	39		Dương	
39	100	181101196	Trần Khánh Duy	K59.ĐBO1	00,0				
40	101	182701205	Vũ Trường Giang	K59.QLXD1	00,0				
41	102	202603143 ✓	Bùi Văn Hào	K61.CDB(QT)	00,0	37		Hào	
42	103	192731604 ✓	Lê Trung Hiếu	K60.QLXD	3,3	40		Hiếu	

Mã DST: DSO04.2_03/12/2022_2_2DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 03/12/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	104	191133947 ✓	Lê Huy Hiệu	K60.DOTOSB	00,0	38		<i>Mu</i>	
44	105	181120200 ✓	Trần Huy Hoàng	K59.CĐB3	2,3	39		<i>B</i>	
45	106	201106310 ✓	Nguyễn Văn Hùng	K61.CDB1	00,0	40		<i>Hùng</i>	
46	107	202603145 ✓	Nguyễn Văn Hùng	K61.CDB(QT)	2,0	38		<i>Hùng</i>	
47	108	201103645	Vũ Đức Hùng	K61.DOTOSB	00,0				
48	157	160100553 ✓	Lê Xuân Tiến Anh	K57.CTGTDT	6,5	40		<i>Anh</i>	
49	158	191133587	Vũ Văn Bình	K61.CDB4	00,0				
50	159	191103350	Trịnh Anh Quân	K60.CDB4					Nợ HP
51	160	182611085 ✓	Đinh Hoàng Vũ	K59.CDB(ANH)		39		<i>ĐH</i>	2,5 Nợ HP

Tổng số bài thi : 43

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M.P. Bình *T. Long*

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần:DSO04.2

Tên học phần:Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST:DSO04.2_03/12/2022_2_3DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 105-A5

Ngày thi:03/12/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
X 1	109	201200168	Vũ Thành Hưng	K61.CNTT1	6,0	222338		Hưng	
X 2	110	201216824	Nguyễn Quang Huy	K61.CNTT2	4,0	222341		Huy	
X 3	111	201106263	Trần Ngọc Khánh	K61.CDB3	4,3	222341		Khánh	
X 4	112	201200184	Đỗ Tuấn Khôi	K61.CNTT3	00,0	222339		Khôi	
X 5	113	172510217	Lê Phước Kiên	K59.VLCNXD	0,5	222337		Kiên	
X 6	114	201133469	Vũ Huy Kiên	K61.CDB3		222336		Kiên	5,0 Nợ HP
X 7	115	191104498	Nguyễn Khắc Bảo Lâm	K60.CDB4		222337		Lâm	1,5 Nợ HP
X 8	116	881891002	Phạm Đức Lộc	K59.CNTT1	00,0				
X 9	117	201200202	Đỗ Đình Long	K61.CNTT4		222337		Long	5,0 Nợ HP
X 10	118	201200208	Trần Duy Long	K61.CNTT3	2,5	222338		Long	
X 11	119	201106517	Đoàn Văn Lượng	K61.DBO	00,0	222337		Lượng	
X 12	120	201103480	Nguyễn Tiến Lượng	K61.CDB3	00,0	222339		Lượng	
X 13	121	201210225	Hoàng Đình Mạnh	K61.CNTT1	9,0	222337		Mạnh	
X 14	122	182702088	Hoàng Đức Mạnh	K60.QLXD		222340		Mạnh	3,0 Nợ HP
X 15	123	201200229	Nguyễn Đức Mạnh	K61.CNTT1	10,0	222338		Mạnh	
X 16	124	172500983	Phạm Đức Mạnh	K58.XDDDCN1	3,0	222341		Mạnh	
X 17	125	201200234	Vũ Đức Mạnh	K61.CNTT1	7,8	222339		Mạnh	
X 18	126	182703416	Vũ Công Minh	K59.QLXD4		222338		Minh	00,0 Nợ HP
X 19	127	201103605	Nguyễn Trần Lộc Nguyên	K61.DBO		222341		Nguyên	00,0 Nợ HP
X 20	128	192702313	Nguyễn Văn Phúc	K61.QLXD1	3,8	222341		Phúc	
X 21	129	192502117	Dương Quang Phương	K60.XDDDCN2	0,5	222340		Phương	
X 22	130	201200295	Nguyễn Ngọc Quân	K61.CNTT2	4,3	222338		Quân	
X 23	131	201113510	Phạm Anh Quân	K61.CDB1	2,8	222341		Quân	
X 24	132	201133511	Phạm Nguyễn Anh Quốc	K61.CDB4	1,5	222339		Quốc	
X 25	133	201116584	Đương Trọng Quyền	K61.CDB4	2,0	222340		Quyền	
X 26	134	201200308	Đặng Tiến Quyết	K61.CNTT6	3,0	222340		Quyết	
X 27	135	201200314	Nguyễn Viết Sang	K61.CNTT1	7,8	222338		Sang	
X 28	136	201210317	Đoàn Ngọc Thái Sơn	K61.CNTT3	4,8	222337		Sơn	
X 29	137	201200320	Nguyễn Thanh Sơn	K61.CNTT1	2,0	222341		Sơn	
X 30	138	202603161	Trịnh Văn Tài	K61.CTGTĐT(QT)					Nợ HP
X 31	139	201133521	Nguyễn Trung Tân	K61.CDB1	00,0	222341		Tân	
X 32	140	191101834	Đỗ Văn Thắng	K60.CDOTOSB	3,5	222340		Thắng	
X 33	141	191202904	Nguyễn Đức Thắng	K60.CNTT5	4,3	222337		Thắng	
X 34	142	182503146	Phạm Minh Tiến	K59.XDDDCN2	3,0	222337		Tiến	
X 35	143	192712600	Phạm Việt Tiến	K60.QLXD	6,0	222341		Tiến	
X 36	144	201200363	Trần Nam Tiến	K61.CNTT4	1,0	222339		Tiến	
X 37	145	201200366	Phạm Duy Tín	K61.CNTT1				Tín	2,8 Nợ HP
X 38	146	192503861	Phạm Ngọc Trọng	K60.XDDDCN1					Nợ HP
X 39	147	171101994	Ngô Quốc Trung	K58.DS	2,8	222340		Trung	
X 40	148	171103445	Biện Xuân Trường	K58.CDOTO & SB		222337		Trường	4,5 Nợ HP
X 41	149	201106889	Trần Anh Tú	K61.CDB1	5,3	222339		Tú	
X 42	150	181120648	Trần Minh Tuấn	K59.CDB3	1,3	222341		Tuấn	

Ma DST:DSO04.2_03/12/2022_2_3DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 105-A5

Ngày thi:03/12/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
X 43	154	171102418	Vũ Quang Tuyền	K58.QLXDGTGT		222339		<i>[Signature]</i>	00,0 Nợ HP
44	152	201133688	Hà Đức Việt	K61.CTGTCC	00,0				
X 45	153	182620334	Vương Đức Việt	K58.CDB(ANH)		222340		<i>[Signature]</i>	00,0 Nợ HP
X 46	154	201200421	Nguyễn Văn Vũ	K61.CNTT5	1,5	222340		<i>[Signature]</i>	
X 47	155	191202628	Vũ Thế Vương	K60.CNTT4	4,5	222339		<i>[Signature]</i>	
X 48	156	201133572	Nguyễn Văn Xuân	K61.CDB2	1,5	222339		<i>[Signature]</i>	

Tổng số bài thi : 44

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

[Signature]
[Signature]
M.P. Bình T. Long

[Signature]
PGS.TS. Trần Văn Long

[Signature]
Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO04.2_03/12/2022_2_3DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 105-A5

Ngày thi: 03/12/2022

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 3

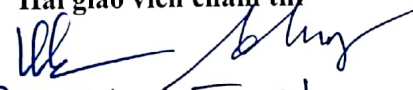
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	117	201200202	Đỗ Đình Long	K61.CNTT4	5,0				

Tổng số bài thi :

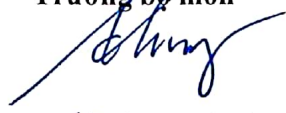
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương Trâm Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Túy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST: DSO04.2_03/12/2022_2_3DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 105-A5

Ngày thi: 03/12/2022

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 3

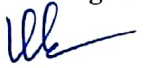
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	114	201133469	Vũ Huy Kiên	K61.CDB3	5,0				

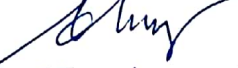
Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


Trần Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO04.2_03/12/2022_2_2DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 03/12/2022

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	80	201200069	Nguyễn Trí Đại	K61.CNTT4	5,3			Sai	

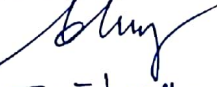
Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Bùi Hương


Trần Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO04.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :2

Mã DST: DSO04.2_03/12/2022_2_3DSO04.2-2-1-22(N03) Thi tại : 105-A5

Ngày thi: 03/12/2022

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 3

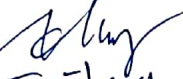
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	148	171103445	Biện Xuân Trường	K58.CDOTO &SB	4,5				

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi



Bùi Hương Trần Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO07.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO07.2_29/11/2022_3_1 DSO07.2-2-1-22(N04) Thi tại : 304-A2

Ngày thi: 29/11/2022

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	4	191502948	Hà Quốc Anh	K60.HTĐGTCN	5,5	55	—	Anh	Nợ HP
2	2	191600072	Nguyễn Trần Anh	K60.TDH2	8,8	65	—	ANZ	
3	3	201604162	Nguyễn Tuấn Anh	K61.TDH1	4,8	65	—	Anh	
4	4	201403872	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	K61.KTVTHONG1	7,5	65	—	T. Anh	
5	5	191410102	Vũ Hoàng Anh	K60.KTVTHONG1	0,5	65	—	HL	
6	6	191502651	Lê Tiến Đạt	K60.TBĐCN2	8,8	65	—	Dat	
7	7	191603019	Đoàn Hữu Diện	K60.TDH2	6,0	55	—	Diễn	
8	8	201604191	Đào Ngọc Đức	K61.TDH2	5,5	62	—	Duc	
9	9	181412463	Trịnh Anh Đức	K59.KTVTHONG 2	3,0	62	—	Đức	
10	10	181412000	Vũ Anh Đức	K59.KTVTHONG 1	4,3	55	—	Đức	
11	11	191603028	Bùi Tiến Dũng	K60.TDH2	3,8	55	—	Dũng	
12	12	191403604	Hà Anh Dũng	K60.KTVTHONG2	7,5	55	—	Dũng	
13	13	181403807	Đinh Thái Dương	K59.DT_THCN 1	4,0	55	—	Dương	
14	14	201513738	Nguyễn Đức Duy	K61.TBĐCN2	3,8	65	—	Duy	Nợ HP
15	15	181400825	Nguyễn Quang Huy	K59.KTVTHONG 2	2,0	55	—	Huy	Nợ HP
16	16	191402060	Nguyễn Quang Huy	K60.KTTTin	3,3	62	—	Huy	
17	17	191504203	Trịnh Quốc Khánh	K60.TBĐCN1	—	—	—	—	Nợ HP
18	18	181410614	Vũ Đức Khánh	K59.DT_THCN 1	5,0	62	—	Khánh	
19	19	201413993	Nguyễn Trung Kiên	K61.KTDTTHCN2	5,0	62	—	Kiên	
20	20	201413995	Thái Trung Kiên	K61.KTDTTHCN1	4,8	62	—	Kiên	Nợ HP
21	21	181412037	Bùi Trọng Nghĩa	K59.DT_THCN 1	5,8	55	—	Nghĩa	
22	22	201503819	Lê Mạnh Nguyên	K61.TBĐCN2	3,8	62	—	Nguyên	
23	23	201503831	Phạm Hồng Quân	K61.TBĐCN2	5,5	55	—	Quân	
24	24	191412344	Nguyễn Xuân Sơn	K60.KTVTHONG2	7,5	55	—	Sơn	Nợ HP
25	25	201503833	Lê Văn Tài	K61.TBĐCN1	2,5	65	—	Tài	
26	26	191504322	Đào Nhật Tân	K60.HTĐGTCN	—	—	—	—	Nợ HP
27	27	191504671	Đoàn Đức Thắng	K60.TBĐCN2	7,5	62	—	Thắng	
28	28	201404096	Trần Đức Thắng	K61.KTTTin	4,3	65	—	Thắng	Nợ HP
29	29	160513580	Đinh Quang Thịnh	K57.KTDTTHCN	7,0	55	—	Thịnh	
30	30	191502376	Nguyễn Bình Trung	K60.HTĐGTCN	5,5	65	—	Trung	
31	31	191401085	Nguyễn Kim Tuấn	K60.KTVTHONG2	5,0	65	—	Tuấn	
32	32	191402784	Nguyễn Minh Tuấn	K60.KTVTHONG3	5,0	55	—	Tuấn	Nợ HP
33	33	181603112	Nguyễn Ngọc Tùng	K60.TDH2	4,3	62	—	Tùng	
34	34	201503862	Phạm Tiến Vương	K61.TBĐCN2	3,0	65	—	Vương	

Tổng số bài thi : 32

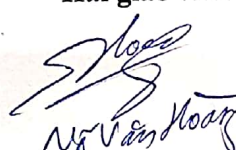
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

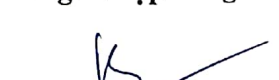
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Nguyễn Văn Hoàng


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO07.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO07.2_29/11/2022_3_1 DSO07.2-2-1-22(N04) Thi tại : 304-A2

Ngày thi: 29/11/2022

Ca thi:

Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 1

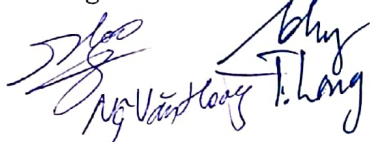
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	191502948	Hà Quốc Anh	K60.HTĐGTCN	5,5	55			
2	14	201513738	Nguyễn Đức Duy	K61.TBDCN2	3,8	65			
3	15	181400825	Nguyễn Quang Huy	K59.KTVTHONG 2	2,0	55			
4	24	191412341	Nguyễn Xuân Sơn	K60.KTVTHONG2	7,5	55			
5	32	191402784	Nguyễn Minh Tuấn	K60.KTVTHONG3	5,0	55			

Tổng số bài thi : 5

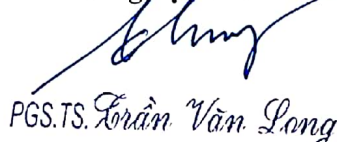
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2022

Hai giáo viên chấm thi


Nguyễn Văn Long

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Người lập bảng


Trần Thúy Giang

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 1 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK I 22-23

Mã học phần: DSO07.2

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 2

Mã DST: DSO07.2_29/11/2022_3_1 DSO07.2-2-1-22(N04) Thi tại : 304-A2

Ngày thi: 29/11/2022

Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	20	201413995	Thái Trung Kiên	K61.KTDTTHCN1	48	62			

Tổng số bài thi : 1

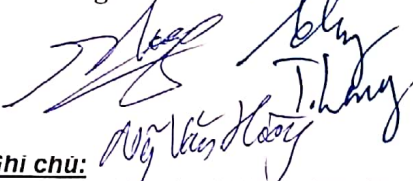
Tổng số tờ giấy thi :

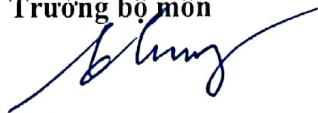
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

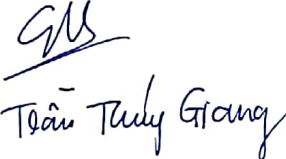
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


Ghi chú:


PGS.TS. Trần Văn Long


Trần Thuý Giang

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP